

Quy định về hình ảnh sản phẩm

Tài liệu tiêu chuẩn GS1

Phiên bản 2.5, Phê duyệt tháng 3/2014



Tóm lược tài liệu

| Nội dung tài liệu | Giá trị hiện thời |
|-------------------|---|
| Tên tài liệu | Tài liệu tiêu chuẩn GS1 quy định về hình ảnh sản phẩm |
| Sửa đổi lần cuối | 03-2014 |
| Phiên bản | Phiên bản 2.5 |
| Tình trạng | Đã phê duyệt |
| Mô tả tài liệu | <p>Tiêu chuẩn này của GS1 thiết lập các quy định để lưu trữ hình ảnh số liên quan đến sản phẩm. Mã số phân định sản phẩm được sử dụng là mã số thương phẩm toàn cầu (GTIN- Global Trade Item Number) và tài liệu này sẽ hướng dẫn chi tiết tất cả các vấn đề liên quan đến lưu trữ hình ảnh số. Tài liệu không quy định làm thế nào để hình ảnh được chia sẻ qua thương mại điện tử. Việc chia sẻ hình ảnh nằm ngoài phạm vi tài liệu.</p> <p>Những quy định này dựa trên các hướng dẫn do Hiệp hội liên ngành các giải pháp thương mại (VICS) chính thức xây dựng vào tháng 7/2005 http://www.vics.org, do đó có sự thống nhất trong việc sử dụng hình ảnh số để tạo thuận lợi cho thương mại.</p> |

Người tham gia

| Tên | Họ | Tổ chức |
|-----------------|-----------|--------------------|
| Dan | Bauer | 3M |
| Pierre | Brault | A. Lassonde |
| Randy | Burd | MultiAd Kwieke |
| Nancy | Call | Lowes |
| Kim | Chalk | McCormick Canada |
| Dan | Clark | GS1 Canada |
| Matthew | Deeter | Deeterworks |
| Colleen | Dooley | Lawtons |
| Jean-Christophe | Gilbert | GS1 France |
| Rick | Gill | Home Depot |
| Neil | Gray | GS1 UK |
| Stephen | Jefferies | Inovis |
| Grant | Kille | Agentrics |
| Bruce | Laffee | Gladson |
| Rita | Laur | GS1 Canada |
| Melanie | Ligons | GXS |
| Wendy | Martin | Boots |
| Justin | Middleton | GS1 Australia |
| Steve | Moris | Scales Advertising |
| Olivier | Mouton | Carrefour |
| Glenn | Pride | 1Sync |

| Tên | Họ | Tổ chức |
|--------|---------|------------|
| Jane | Rosati | GS1 Canada |
| Robert | Tarrant | Brandbank |
| Gina | Tomassi | PepsiCo |
| Steve | Wallace | Brandbank |
| Jay | Yanko | Big Hammer |

Người tham gia thuộc VICS

| Tên | Tổ chức |
|--------------------|------------------------|
| Dan Bauer | 3M |
| John DeMarco | 3M |
| Patti Read | 3M |
| Ed Sopia | Black & Decker |
| Gregg Manqialardi | Bosch |
| Bob Bieszka | Brass Craft |
| Mark Newton | ECCC |
| Mike Sadiwnyk | ECCC |
| Bruce Laffee | Gladson |
| Michael Chotiner | Hanlet Wood |
| Dave Pucciarella | Home Depot |
| Nate Perryman | Home Depot |
| Tim Knudson | Home Depot |
| Mae Kemp | Lowes |
| Alex Dye | Master Lock |
| Randy Burd | MultiAd |
| Tom Boston | National Manufacturing |
| David Cieslik | Robert Bosch |
| Steve Moris | Scales Advertising |
| Richard Richardson | UCC |
| Jackie Jones | UCCnet |
| Jennifer Xiques | UCCnet |
| Susan Brozas | UCCnet |
| Frank Nash | UDEX |
| Bruce Hawkins | Wal-Mart |

Lịch sử sửa đổi trong phiên bản 2.5

| Số phiên bản | Ngày sửa đổi | Người sửa đổi | Tóm tắt sửa đổi |
|--------------|--------------|--|---|
| 2006 06 29 | 2006 29 06 | D. Buckley | Chuyển 'Quy định hình ảnh sản phẩm của VICS' thành định dạng mẫu GS1-GSMP |
| 2006 07 11 | 2006 11 07 | R. Laur | Thông tin cập nhật để trình CR lên GSMP |
| 1 | 2006 08 12 | Nhóm công tác về quy định hình ảnh của GDSN/GSMP | Xem tài liệu phân tích. |
| 2 | 2007 11 01 | Nhóm công tác về quy định hình ảnh của GDSN/GSMP | Xem tài liệu tiếp thu góp ý từ báo cáo tổng hợp của GSMP |
| 2.1 | 2007 07 02 | Nhóm công tác về quy định hình ảnh của GDSN/GSMP | Lỗi đánh máy. |
| 2.2 | 2007 13 02 | GDSN BRG | Làm rõ các ví dụ 4-2, 4-3, 4-4 |
| 2.3 | 2008 26 02 | D.Clark | Làm rõ cấu trúc tên kế hoạch 2.1.5 |
| 2.4 | 2013 30 08 | Nhóm công tác về quy định hình ảnh của GDSN/GSMP | WR # 12-046; 12-244; 12-253; 12-254; 12-255; 12-256; 12-257; 12-258; 12-259; 12-310; 12-312; 12-313; 12-322; 13-018; 13-040; 13-105 |
| 2.5 | 2014 11 03 | Lỗi in | Sửa lỗi chữ và bổ sung các ví dụ |

Từ chối trách nhiệm

Theo chính sách về sở hữu trí tuệ, GS1 cố gắng tránh những vấn đề không chắc chắn liên quan đến kiện tụng về sở hữu trí tuệ bằng cách yêu cầu người tham gia trong Nhóm công tác phát triển Quy định về hình ảnh sản phẩm đồng ý trao cho các thành viên GS1 quyền miễn phí hoặc quyền RAND đối với các khiếu kiện cần thiết, điều khoản này được quy định trong chính sách IP của GS1. Hơn nữa, cảnh báo có thể khi triển khai một hoặc nhiều các đặc điểm trong quy định này có thể liên đới đến một quyền sáng chế hoặc sở hữu trí tuệ không dính dáng đến khiếu kiện cần thiết. Bất kỳ quyền sáng chế hay sở hữu trí tuệ khác dạng này không liên can đến trách nhiệm bản quyền của GS1. Hơn nữa, thỏa thuận cấp quyền theo chính sách sở hữu trí tuệ của GS1 không bao gồm quyền sở hữu trí tuệ và bất kỳ khiếu kiện của bên thứ ba không phải là người tham gia trong nhóm công tác.

Theo đó, GS1 khuyến cáo rằng bất kỳ tổ chức nào đang triển khai theo các quy định này phải xác định xem có bất kỳ bằng sáng chế nào hay không có thể bao gồm một triển khai cụ thể mà tổ chức đang xây dựng phù hợp với quy định và một bản quyền của một bằng sáng chế hoặc quyền sở hữu trí tuệ nào đó có cần thiết hay không. Việc xác định sự cần thiết cho bản quyền nên được thực hiện với quan điểm chi tiết cho một hệ thống cụ thể được thiết kế bởi tổ chức tư vấn với luật sư bằng sáng chế của họ.

TÀI LIỆU NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN SI" MÀ KHÔNG BẢO ĐẢM BẤT CỨ ĐIỀU GÌ, BAO GỒM CẢ NHỮNG BẢO ĐẢM VỀ THƯƠNG MẠI, VI PHẠM, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ, HOẶC BẤT KỲ ĐẢM BẢO NÀO PHÁT SINH NGOÀI QUY ĐỊNH NÀY. GS1 từ chối tất cả các trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào phát sinh từ việc sử dụng hoặc lạm dụng tiêu chuẩn này, dù là những thiệt hại đặc biệt, gián tiếp, hậu quả hoặc việc đền bù và bao gồm cả trách nhiệm đối với hành vi xâm phạm bất kỳ quyền sở hữu trí tuệ nào, liên quan đến việc sử dụng thông tin trong hoặc ngoài tài liệu này.

GS1 có quyền thay đổi tài liệu này ở bất kỳ thời điểm nào mà không cần phải báo trước. GS1 sẽ không đảm bảo cho việc sử dụng tài liệu này và sẽ không có trách nhiệm cho bất kỳ sai sót, lỗi có thể xảy ra trong tài liệu, cũng như không cam kết cập nhật thông tin chứa đựng bên trong tài liệu.

Mục lục

| | |
|--|-----------|
| 1. Giới thiệu | 6 |
| 2. Quy định về trường dữ liệu và hình ảnh Planogram..... | 6 |
| 2.1. Định dạng tệp | 6 |
| 2.2. Hướng nhìn | 6 |
| 2.3. Nền và khung ảnh | 6 |
| 2.4. Cỡ ảnh | 6 |
| 2.5. Xây dựng tên tệp..... | 7 |
| 2.6. Xác định mặt trước | 9 |
| 2.6.1. Mặt trước mặc định..... | 9 |
| 2.6.2. Ngôn ngữ thay thế | 9 |
| 2.6.3. Hiển thị cho người tiêu dùng (không phân định với GTIN)..... | 9 |
| 3. Đặt tên tệp | 10 |
| 3.1. Đặt tên dựa vào GTIN..... | 10 |
| 3.2. Đặt tên dựa vào GDTI | 10 |
| 4. Các quy định về hình ảnh phục vụ Marketing | 10 |
| 4.1. Hướng dẫn tổng quan về hình ảnh được cung cấp | 10 |
| 4.2. Các đặc tính của tệp | 10 |
| 4.3. Hướng dẫn về màu và chất lượng ảnh | 11 |
| 4.4. Định dạng sử dụng cuối | 11 |
| 4.5. Hình ảnh sản phẩm | 11 |
| 4.6. Đường dẫn nơi lưu trữ hình ảnh..... | 11 |
| 4.7. Cỡ ảnh | 12 |
| 4.8. Chế độ màu và định dạng tệp | 12 |
| 4.9. Thể hiện hình ảnh sản phẩm | 12 |
| 4.10. Tên tệp | 13 |
| 4.11. Xây dựng tên tệp dựa vào GTIN: GTIN đơn nhất của ảnh chụp tĩnh..... | 13 |
| 4.12. Xây dựng tên tệp dựa vào GTIN: GTIN đơn nhất của ảnh chụp tĩnh với các yếu tố hỗ trợ trong ảnh | 16 |
| Phụ lục A – Nguồn của các yêu cầu..... | 18 |
| Phụ lục B – Dự trữ cho tương lai..... | 19 |

1. Giới thiệu

Tiêu chuẩn này của GS1 thiết lập các quy định phục vụ lưu trữ hình ảnh số liên quan đến sản phẩm. Mã số dùng để phân định sản phẩm là mã số thương phẩm toàn cầu (GTIN) và tài liệu này cung cấp chi tiết tất cả các khía cạnh về lưu trữ hình ảnh số. Tài liệu không quy định làm thế nào hình ảnh được lưu thông trong thương mại điện tử. Việc chia sẻ lưu thông hình ảnh thuộc ngoài phạm vi của tài liệu. Những quy định này dựa trên các hướng dẫn được Hiệp hội liên ngành các giải pháp thương mại (VICS) chính thức xây dựng vào tháng 7/2005, <http://www.vics.org>, do đó có sự thống nhất trong việc sử dụng hình ảnh số để tạo thuận lợi cho thương mại.

2. Các quy định về trường dữ liệu và hình ảnh Planogram

2.1. Định dạng tệp

Định dạng tệp phải tuân thủ các quy định sau, 72 ppi – 150ppi

- Targa 16-32 bit (Nếu là 32 bit thì tạo hiệu ứng màu sắc kênh alpha phải là I/O), không được nén
- JPEG, mức nén ít nhất phải là 10 hoặc cao hơn
- PNG (phải tương thích với hiệu ứng màu sắc kênh alpha)



Lưu ý: Ảnh JPEG không tương thích tạo hiệu ứng màu sắc kênh alpha với tất cả phần mềm xử lý ảnh.

2.2. Thể hiện hình ảnh

Tất cả các sản phẩm được sản xuất dạng bao gói phải được thể hiện lên tới 6 ảnh của bao gói sản phẩm tiêu dùng, tối thiểu là 3 ảnh nhìn thẳng mặt trước, thẳng trên xuống và thẳng từ bên trái. Các vật phẩm không được sản xuất dưới dạng có bao gói, chẳng hạn chiếc búa, phải thể hiện bằng 3 ảnh nêu trên. Bổ sung một ảnh nhìn thẳng từ mặt trước của bao gói bên trong khi cần thiết.

2.3. Nền và khung ảnh

Hình ảnh sản phẩm trưng bày phải đặt trên nền tương phản rõ nét. Hình ảnh của sản phẩm dù trưng bày hay không trưng bày cũng phải được thể hiện được góc cạnh sản phẩm. Không được bổ sung những hình ảnh nền hoặc sản phẩm bổ sung trong vùng ảnh chính.

- Các sản phẩm dạng hộp được chụp và xén theo cạnh và thể hiện trên nền trắng.
- Đối với hộp có góc cứng, ảnh được xén và không để nền để thuận lợi với việc phân định theo chế độ cắt hình alpha, và sẽ được lưu không có mức lờ
- Các sản phẩm dạng cuộn tròn hoặc được xén tròn phải được trưng bày và thể hiện với nền rõ nét.
- Các sản phẩm cuộn tròn hoặc được xén tròn cũng có thể được cắt xén theo góc sản phẩm và thể hiện trên nền trắng.

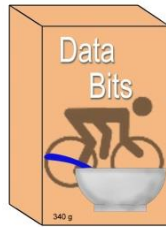
2.4. Cỡ ảnh

Cỡ ảnh tối thiểu cho tất cả các ảnh planogram trên market sẽ là 20kB ((50kB đối với ảnh Targa)

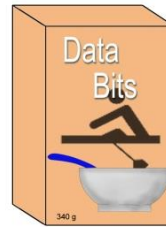
2.5. Xây dựng tên tệp

14 ký tự đầu của mã GTIN sản phẩm là bắt buộc. Tiếp sau đó là chỉ số ảnh planogram (bắt buộc). Các mã số GTIN của nhiều cách thể hiện hình ảnh sản phẩm không trái với quy định cấp mã GTIN sẽ được phân định bằng chữ “A” với nghĩa thay thế.

Ví dụ:

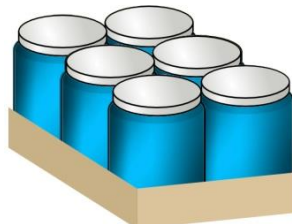


07541230123457.1



07541230123457A.1

- ✔ **Lưu ý:** Nếu GTIN là duy nhất cho giá trưng bày hoặc đặt trên khay, hình ảnh sẽ được đặt tên sử dụng mã GTIN của khay hoặc giá trưng bày cũng như GTIN sản phẩm đựng bên trong cùng với số phân định tương ứng của nó ('T' cho khay, 'D' cho giá trưng bày và 'A' cho thay thế).



07541230123457T.1



07541230123457D.1

- ✔ **Note:** Đối với sản phẩm phẳng có lỗ và chốt: Nếu các mặt 2,3,8 và 9 của sản phẩm nhỏ hơn 1/2cm và không có hình ảnh hiển thị thông tin quảng cáo, chúng có thể bị bỏ qua.

Các hướng chấp nhận của hình ảnh:

- Chụp thẳng mặt trước
- Chụp thẳng mặt trái
- Chụp thẳng mặt trên

Các hướng tùy chọn của ảnh:

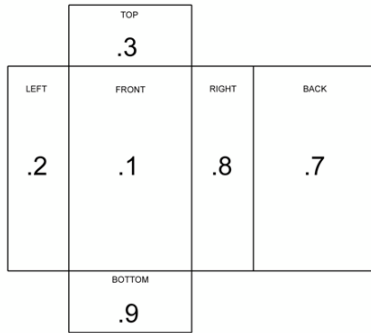
- Thẳng mặt sau
- Thẳng mặt phải
- Thẳng mặt dưới

Những chỉ số tiêu chuẩn đặt tên cho hình ảnh:

- (GTIN) .1 mặt trước

- (GTIN) .2 bên trái mặt trước
- (GTIN) .3 mặt trên
- (GTIN) .7 mặt sau
- (GTIN) .8 bên phải mặt trước
- (GTIN) .9 mặt đáy

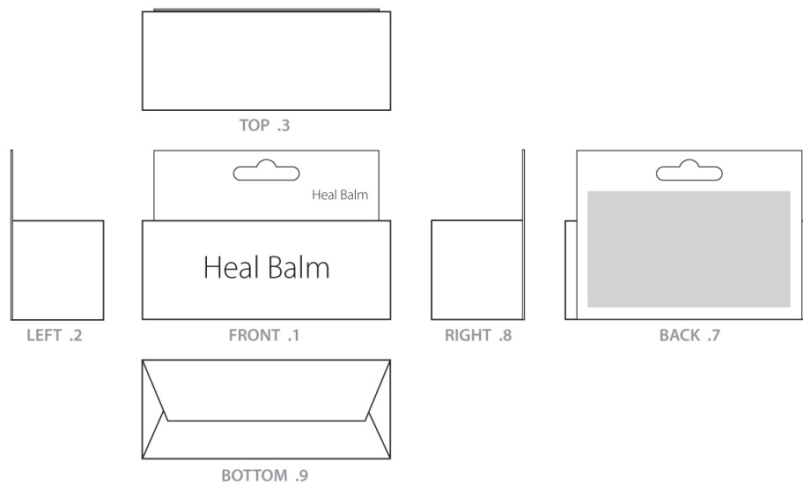
Nhìn hình ảnh dưới đây để tham khảo

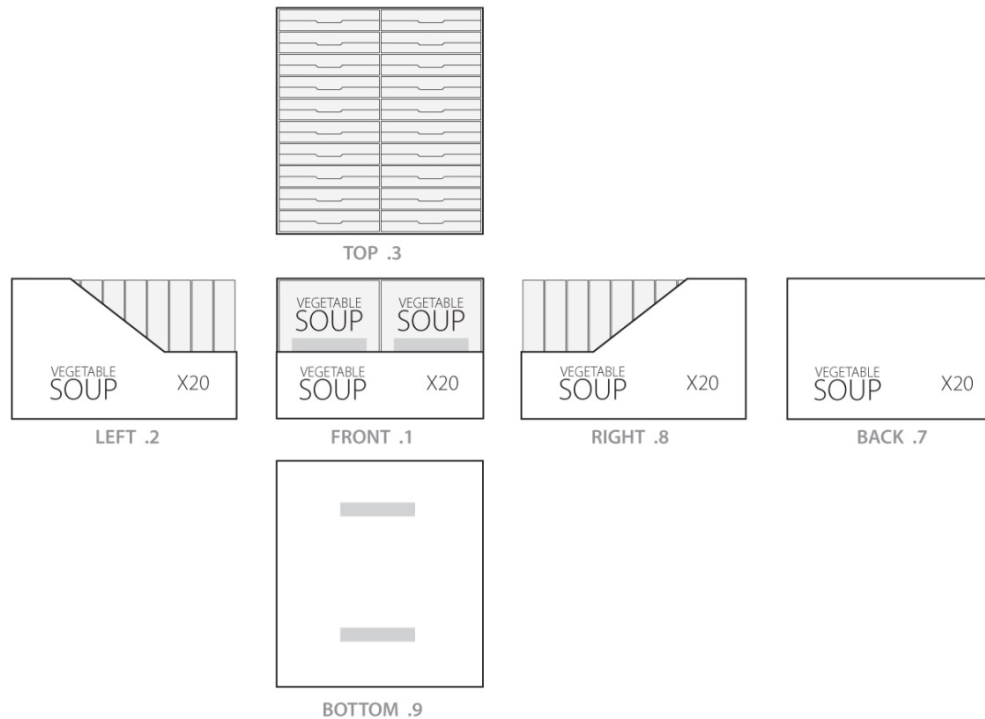


FRONT .1



Back .7





2.6. Xác định mặt trước

2.6.1. Mặt trước mặc định

Mặt trước của sản phẩm được xác định bởi các quy định về đo lường của bao bì (xem mục 6.8 của Quy định chung GS1). Tất cả các mặt khác được xác định dựa trên mối quan hệ với mặt trước và được phân biệt bằng phần mở rộng dạng số để xác định mặt đó. Việc xác định các mặt bằng máy được thu thập tự động ở phần mở rộng dạng số, cho phép nhiều hình ảnh (thể hiện các mặt khác nhau) của cùng một sản phẩm mang mã GTIN.

2.6.2. Ngôn ngữ khác

Khi trên bề mặt bao bì có sử dụng ngôn ngữ khác, cần ghi chú vấn đề này trong dữ liệu đi kèm hình ảnh.

2.6.3. Trưng bày tiêu dùng (không xác định bằng GTIN)

Sản phẩm phải được bán trong một khay/kệ trưng bày không mang mã GTIN đơn nhất của nó, hình ảnh của khay phải được thu thập sử dụng mã GTIN đơn vị gắn với một chữ "T". Điều này cho phép người sử dụng quản lý khoảng trống lựa chọn đơn vị sản phẩm hay là chiếc khay khi tạo ra ảnh panogram của chúng.

Ví dụ:

- Đơn vị sản phẩm: 00012345678905.1
- Khay: 00012345678905T.1

3. Đặt tên tệp

Hai phương pháp đặt tên đó là dựa trên GTIN và dựa trên GDTI.

- Đặt tên dựa vào GTIN sẽ sử dụng khi hình ảnh chứa một vật phẩm đơn lẻ có thể phân định bằng một GTIN.
- Đặt tên dựa vào GDTI nên sử dụng cho các vật phẩm không phân định bằng GTIN (ví dụ các vật phẩm phân định bằng mã số lưu thông có giới hạn trong may mặc, hình ảnh có chứa nhiều GTIN khác nhau) và khi một hình ảnh đơn nhất có thể dùng để thể hiện cho nhiều vật phẩm/sản phẩm.

3.1. Đặt tên tệp dựa trên GTIN

Mười bốn ký tự đầu tiên là mã số GTIN của sản phẩm (dạng số)

- Dấu gạch ngang bên dưới ở vị trí thứ 15
- Loại, tính chất tệp ở vị trí thứ 16 (dạng chữ và/hoặc số tên gọi đơn giản). Phần này có thể linh hoạt (tùy thuộc vào việc cập nhật thường xuyên).



Lưu ý: Ảnh planogram không bị điều chỉnh bởi quy định này do các vấn đề ứng dụng phần mềm

3.2. Đặt tên dựa vào GDTI

Tất cả các quy định áp dụng dựa trên các khóa GS1 áp dụng cho cách đặt tên này.

- 13 ký tự đầu là GDTI
- (tùy chọn) Các ký tự dạng số hoặc chữ từ vị trí tiếp theo 1-17 là thành phần xê ri.



Lưu ý: Ảnh planogram không bị điều chỉnh bởi quy định này do các vấn đề ứng dụng phần mềm

4. Quy định về hình ảnh Marketing

4.1. Tổng quan về hướng dẫn chụp ảnh

Được hiểu rằng, có những trường hợp ở đó việc chụp ảnh sẽ là cần thiết thay vì hình ảnh của sản phẩm. Thêm vào đó, những tình huống có thể phát sinh khi cần chụp ảnh với một kích cỡ hoặc độ phân giải vượt quá tiêu chuẩn đã được nhắc đến. Trong trường hợp này, khách hàng có thể tùy thuộc thay đổi hình ảnh gốc của sản phẩm, hoặc thỏa thuận với người bán hàng để cung cấp những hình ảnh cần thiết nêu trên. Tất cả những hình ảnh được cung cấp phải tuân thủ những hướng dẫn sau đây.

4.2. Đặc điểm của tệp

Không có lớp hoặc kênh màu alpha, không có hướng dẫn hoặc thước đo tỉ lệ. Không có bong bóng, dấu vân tay hoặc khoanh vùng từ ảnh quét. Không chuyển đổi chức năng hoặc quản lý màu thông tin bổ sung. Không chữ ký, xác nhận bằng vân tay hoặc dấu hiệu ẩn hiện bằng nước. Không có các tạo tác nén. Không thay đổi cỡ ảnh (mở rộng kích cỡ). Không quét ảnh từ các trang in. Không bị dây bản hoặc cào xước. Không để bóng. Hạn chế tối thiểu kiểu Morie.

4.3. Hướng dẫn màu và chất lượng ảnh

Những khuyến nghị dành cho việc chụp ảnh và xử lý ảnh chất lượng cao:

- Không một màu nào bị che lấp. Các màu phải sáng, rõ nét và bắt mắt nhất có thể. Các màu nên được cân bằng toàn diện và không được để lóa màu khi ngược sáng. Màu da và màu cỏ phải chân thực và sống động.
- Hình ảnh phản chiếu cũng cần phải chân thực.
- Bóng của hình ảnh cũng phải chân thực và tự nhiên.
- Việc tô sửa phải thực hiện liền mạch và tránh để bị phát hiện ở mức tối thiểu là 200% độ phóng đại (ví dụ việc xóa bỏ ngày hết hạn hoặc ngày sử dụng tốt nhất)
- Màu phải đồng nhất với màu PMS của sản phẩm (người thiết kế phải cung cấp danh sách). Nếu màu PMS của sản phẩm không có sẵn hoặc nếu là màu độc quyền thì người sử dụng bắt buộc phải sử dụng màu phù hợp nhất có thể hoặc phải cung cấp thông tin để xử lý vấn đề này theo chuẩn màu RGB thực tế.
- Ảnh phải được chụp có bề sâu đủ lớn để có thể đảm bảo độ sắc nét của ảnh toàn bộ sản phẩm.
- Trong việc xử lý hình ảnh không nên để ảnh kỹ thuật số quá sắc nét
- Ánh sáng của sản phẩm phải đồng nhất với ánh sáng khi chụp ảnh.



Lưu ý: Xem mục 2.5 cấu trúc tên tệp để biết chỉ dẫn của sản phẩm mới hoặc các quy tắc về thẻ khuyến mãi.

4.4. Định dạng của ảnh sử dụng cuối cùng

Nên nhận ra một điều rằng vì có thể có nhiều sự kết hợp về định dạng, độ phân giải và kích thước trong các ứng dụng của người dùng cuối cùng, nên không thể liệt kê tất cả các trường hợp xảy ra trong một tiêu chuẩn. Chúng ta nên hiểu rằng các thông số kỹ thuật được khuyến nghị cho các hình ảnh quảng cáo nên có chất lượng cao để những hình ảnh này có thể là những hình ảnh nguồn có thể được chỉnh sửa bởi người dùng cuối phục vụ cho các ứng dụng cụ thể của họ. Điều này bao gồm những định dạng in đa phương tiện và vật phẩm khác nhau cũng như các hình ảnh dùng cho thương mại điện tử.

4.5. Chụp ảnh sản phẩm

Các quyết định về việc các sản phẩm nên được chụp ở dạng có bao bì, không bao bì hoặc cả hai phải dựa trên việc thể hiện sản phẩm trong một tình huống bán hàng cụ thể (ví dụ hộp ngũ cốc trên kệ khác với một máy cắt cỏ được trưng bày). Nếu chưa rõ loại định dạng nào phù hợp nhất thì cần phải thực hiện cả hai định dạng và xác định đúng. Quyết định này cần phải thông báo với nhà sản xuất. Các hình ảnh này phải được xen sát với hình sản phẩm.



Lưu ý: Không được để bất kỳ một hình ảnh nào khác trong khung ảnh (về đặc điểm này xem mục xây dựng tên tệp). Điều này áp dụng cho hình ảnh tĩnh của sản phẩm (GTIN đơn nhất).

Phông nền:

Tất cả các phông nền phải sử dụng màu trắng (RGB 255/255/255).

4.6. Đường dẫn nơi lưu trữ ảnh

Tất cả các hình ảnh phải có một đường dẫn nơi lưu trữ ảnh được tạo ra một cách hợp lý để sản phẩm có thể in bóng. Điều này cực kỳ quan trọng với mục đích truy cứu lại hình ảnh của lô hàng mà đường dẫn nơi lưu trữ hình ảnh được đặt tên là "Path 1". Cài đặt mặc định độ bằng phẳng là 1 pixel.

4.7. Cỡ ảnh

Độ phân giải tiêu chuẩn

Cỡ ảnh tối thiểu 900 pixels (75mm(3.0 in) Cỡ ảnh tối đa 2400 pixels (200mm (8.0 in

Cỡ ảnh ở mức tỉ lệ 1:1 hình vuông (ví dụ 900 pixels x 900 pixels) độ phân giải của tệp ảnh mức 300ppi

Độ phân giải cao

Cỡ ảnh tối thiểu 2401 pixels (200.08 mm (8.003 in) Cỡ ảnh tối đa 4800 pixels (400mm (16.0 in).

Cỡ ảnh ở tỉ lệ vuông 1:1 (ví dụ 3000 pixels x 3000 pixels) Độ phân giải của tệp ảnh là 300 ppi

4.8. Định dạng tệp và chế độ màu

Định dạng tệp: Chế độ ảnh màu dạng TIFF nén LZW: RGB

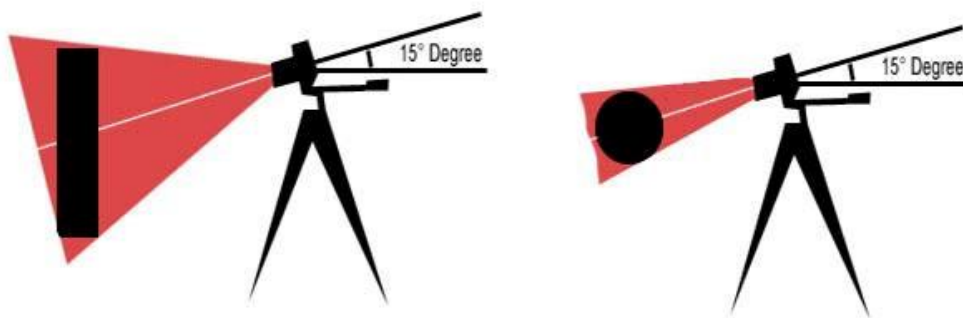
Khi chuyển ảnh sẽ để ảnh ở mức chất lượng tối thiểu và các thỏa thuận của các bên thương mại có thể quyết định mức lưu trữ ảnh ở các định dạng thay thế ví dụ JPEG hoặc PNG

- ✓ **Lưu ý:** Phải xem xét và xác định hồ sơ ICC hoặc vùng màu chính xác. Mức thông thường của tệp nguồn là RGB 8 bit cho một kênh màu.

4.9. Hướng nhìn sản phẩm

Tất cả các sản phẩm phải có tối đa 3 hướng nhìn riêng khi thể hiện mặt cảnh báo trên market - một hướng nhìn thẳng với 15 độ tính từ đỉnh so với trung tâm là tốt nhất với ảnh 3D, mặc dù vậy một số sản phẩm có thể yêu cầu một góc dốc hơn hoặc thoải hơn để thể hiện tốt hơn. Với ảnh 2D (các hình ảnh của sản phẩm với các đặc tính sâu không đáng kể) góc nghiêng 0 độ được chấp nhận.

Hình 1 Ví dụ góc chụp nghiêng



4.10. Tên tệp

Một phần quan trọng của tiêu chuẩn đối với ảnh dùng để quảng cáo đó là quy ước đặt tên cho ảnh nhằm xác định hướng chụp của mỗi bức ảnh. Có thể có rất nhiều ngôn ngữ trên một sản phẩm dẫn đến tên của tệp quá dài. Cũng có thể có nhiều góc nhìn cho một sản phẩm. Cùng một sản phẩm ở nước A, với việc đóng gói dưới dạng 2 ngôn ngữ sẽ không có cùng một mã GTIN với cùng một sản phẩm đó bán ở nước B có một nhóm các ngôn ngữ khác nhau.

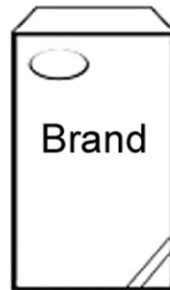
Khi tất cả các hình ảnh thương mại của sản phẩm có chứa tất cả các ngôn ngữ trên bao bì đóng gói, không cần phải có mã chỉ dẫn ngôn ngữ (ví dụ góc nhìn mặc định chính của bao gói sản phẩm thương mại). Chỉ khi tồn tại những góc nhìn khác nhau đối với sản phẩm chỉ mang một ngôn ngữ duy nhất thì mới cần một mã chỉ dẫn ngôn ngữ (Các mặt khác nhau của cùng một sản phẩm với một cách thể hiện ngôn ngữ khác nhau – trong trường hợp này mặt Tiếng Anh sẽ được thêm đuôi “_en” vào tên của tệp.

Điều này dẫn đến một khía cạnh quan trọng khác trong việc phân định xem mặt nào là mặt chính khi một sản phẩm có nhiều mặt thương mại khác nhau. Để giải quyết vấn đề này, xem mục những tiêu chuẩn hiện hành để xác định mặt trước của sản phẩm trong mục 6.8 của Quy định chung của GS1 (xem trích dẫn sau đây)

6.8.1.3.2 “Theo tiêu chuẩn này, mặt trước mặc định là mặt mà có phần bề mặt rộng nhất mà nhà sản xuất sử dụng để bán sản phẩm cho khách hàng, nói cách khác là mặt có những dấu hiệu như tên sản phẩm” ...

“Trên bao bì của một số sản phẩm có thể có nhiều hơn một mặt trước có cùng diện tích bề mặt. Những sản phẩm này có thể trưng bày theo hàng ngang hoặc hàng dọc trên giá. Nếu bao bì của sản phẩm có hơn một mặt trước thì mặt cao hơn sẽ được coi là mặt trước mặc định”...


Ví dụ:



00012345678905_A1C1_1215_s01.jpg

| | |
|-----------------------|----------------------------|
| GTIN | 0012345678905 |
| Loại hình ảnh | GTIN đơn nhất của ảnh tĩnh |
| Xác định mặt | Trước |
| Góc | Trung tâm |
| Trạng thái | Có bao gói |
| Ngày sửa ảnh lần cuối | 12/ 2015 |
| Số thứ tự | 01 |

4.11. Xây dựng tên tệp dựa trên GTIN: GTIN đơn nhất của hình ảnh chụp tĩnh

 **Lưu ý:** Đối với ký tự từ 1-15 xem mục 3 phần đặt tên tệp.

Vị trí 16 - Loại/ Tính chất tệp:

- A – GTIN đơn nhất của sản phẩm chụp tĩnh
- C - GTIN đơn nhất của sản phẩm chụp tĩnh (Độ phân giải cao)
- Z – Không dao động

Vị trí 17 - Chỉ số mặt: Với những ảnh chụp dạng planogram việc xác định mặt trước là bắt buộc để xác định tất cả các mặt khác liên quan với mặt đăng trước

- 0 Không áp dụng

- 1 Trước
- 2 Trái
- 3 Trên
- 7 Sau
- 8 Phải
- 9 Dưới

Vị trí 18 - Số phân định góc: Tham chiếu về góc tương ứng với mặt được thể hiện

- (C) Giữa
- (L) Trái
- (R) Phải
- (N) Trực diện

Vị trí 19 - Chỉ số tình trạng đóng gói hoặc không

- (1) Có bao gói
- (0) Không bao gói
- (A) Đóng hộp
- (B) Được đóng hộp bên trong
- (C) Thô/chưa được chế biến
- (D) Được chế biến sẵn

Những ký tự sau đây có thể được sử dụng bổ sung nếu sản phẩm đang được chụp ảnh cần những ký tự này để thể hiện trình tự mà chúng xuất hiện

- Vị trí 20 - Ký tự gạch dưới để ngăn cách các mã phân định tùy chọn
- Các ký tự từ vị trí 21 trở đi:



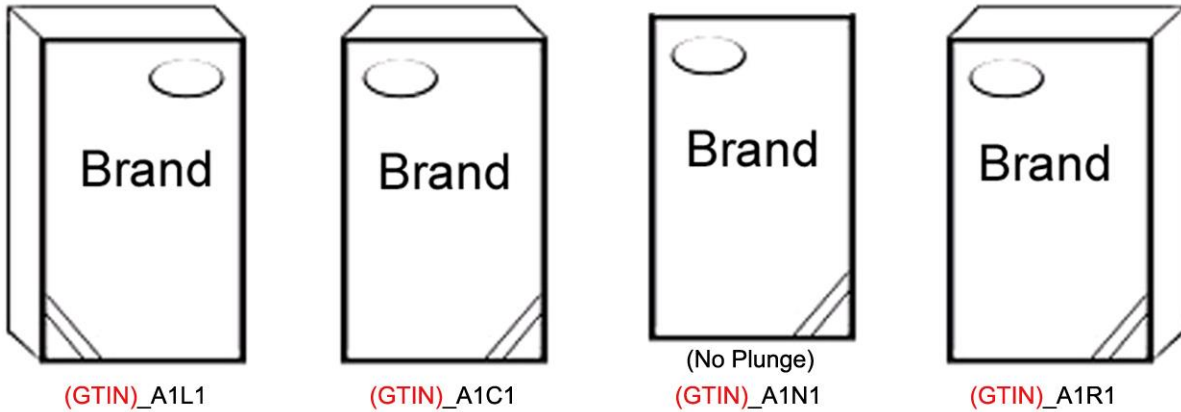
Lưu ý: Do một số yêu cầu của hệ điều hành (FAT32), khuyến nghị tên tệp không được quá 32 ký tự bao gồm cả hậu tố.

- Chỉ số ngôn ngữ (gồm 2 ký tự):
 - Định dạng ISO639 - Ví dụ cú pháp để thể hiện một dạng của một thuộc tính mã ngôn ngữ quốc gia: aa hoặc có thể tùy chọn aa-BB, trong đó aa = danh sách mã theo chuẩn ISO 639-1, phải ở dạng chữ in thường còn BB = mã quốc gia theo chuẩn ISO 3166-1, thể hiện bằng 2 ký tự và phải ở dạng chữ hoa khi các mặt của sản phẩm có các ngôn ngữ khác nhau
 - Hạn cuối của hình ảnh dùng để quảng cáo (4 ký tự dạng số)
MMYY hình ảnh đó vẫn còn giá trị (ví dụ. Nếu hàng còn tốt đến 1206 (12/2006) thì sau ngày 01/01/207 nó sẽ bị loại bỏ).
- Mã số tuần tự (3 ký tự dạng số và chữ) Sequence Number (3 character alphanumeric):
 - Chữ s thường với 2 ký tự dạng số sau nó để thành mã số tuần tự sẽ được bổ sung vào cuối tên tệp và có định dạng như sau:
xxxx_sNN (gạch ngang dưới, chữ “s” thường và sau đó bắt buộc là hai số)

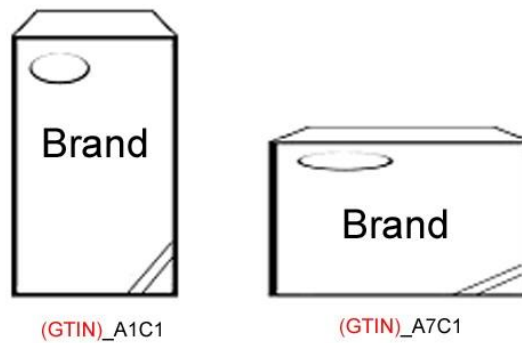
Các ví dụ

Ví dụ: Lưu ý rằng (GTIN) trong các ví dụ này là GTIN sản phẩm gồm 14 ký tự

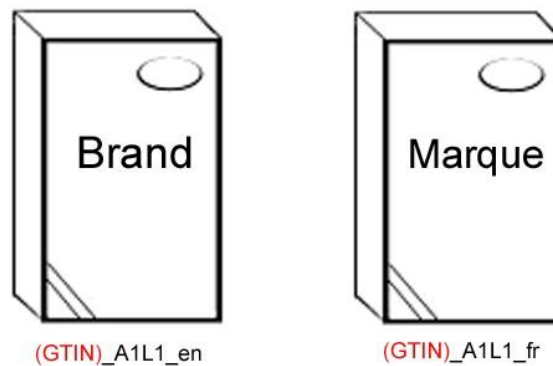
Hình 2 Ví dụ về các hướng nhìn chính mặc định của ảnh trưng bày sản phẩm có bao gói ở tất cả các góc



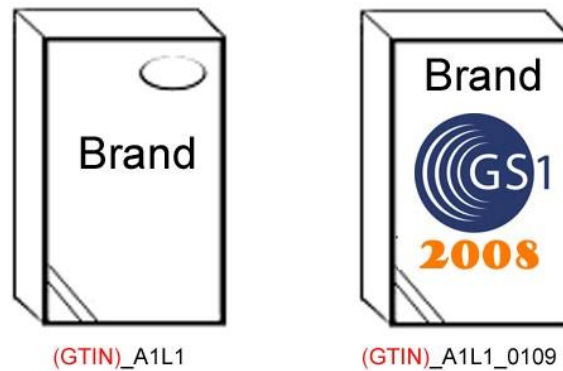
Hình 3 Sản phẩm với các bề mặt trưng bày khác nhau
*Lưu ý mặt đứng cao nhất được xem là mặt '1'



Hình 4 Sản phẩm giống nhau với mặt trưng bày thể hiện bằng ngôn ngữ khác nhau



Hình 5 Hạn khuyến mãi cho bao bì sản phẩm khuyến mãi cần ghi thời gian cụ thể



4.12. Đặt tên tệp dựa trên GTIN: GTIN của một ảnh duy nhất với các thành phần hỗ trợ hình ảnh

Lưu ý với các ký tự từ 1-15 xem mục đặt tên tệp.

16th Loại/Tính chất tệp:

- B – GTIN đơn nhất của sản phẩm chụp tĩnh với các thành phần hỗ trợ trong ảnh
- D - GTIN đơn nhất của sản phẩm chụp tĩnh với các thành phần hỗ trợ trong ảnh (Độ phân giải cao)
- Z – Không xác định (dao động)

17th Chỉ số các mặt : Với các ảnh dạng planogram, việc xác định mặt trước là bắt buộc để xác định tất cả các mặt khác liên quan đến mặt trước.

- 1 Mặt trước
- 2 Mặt bên trái
- 3 Mặt trên
- 7 Mặt sau
- 8 Mặt bên phải
- 9 Mặt đáy

18th Số phân định góc: Tham chiếu góc liên quan đến mặt được thể hiện.

- (C) Giữa
- (L) Trái
- (R) Phải
- (N) Trực diện

19th Tình trạng bao gói

- (1) Có bao gói
- (0) Không bao gói

- (A) Đóng hộp
- (B) Có đóng gói bên trong
- (C) Thô/chưa chế biến
- (D) Được chế biến sẵn
- (E) Mạ
- (F) Theo mẫu
- (G) Giành cho nam giới
- (H) Được nén
- (J) Dễ mòn
- (K) Để sử dụng
- (L) Nhóm
- (M) Hộp mở

Những ký tự sau đây có thể được sử dụng bổ sung nếu sản phẩm đang được chụp ảnh cần những ký tự này để thể hiện trình tự mà chúng xuất hiện

- Ký tự gạch dưới thứ 20 để ngăn cách các mã phân định tùy chọn
- Ký tự từ vị trí 21 trở đi:



Lưu ý: Do một số yêu cầu của hệ điều hành (FAT32), khuyến nghị tên tệp không được quá 32 ký tự bao gồm cả hậu tố.

- Chỉ số ngôn ngữ (gồm 2 ký tự):
 - Định dạng ISO639 - Ví dụ cú pháp để thể hiện một dạng của một thuộc tính mã ngôn ngữ quốc gia: aa hoặc có thể tùy chọn aa-BB, trong đó aa = danh sách mã theo chuẩn ISO 639-1, phải ở dạng chữ in thường còn BB = mã quốc gia theo chuẩn ISO 3166-1, thể hiện bằng 2 ký tự và phải ở dạng chữ hoa khi các mặt của sản phẩm có các ngôn ngữ khác nhau
 - Hạn cuối của hình ảnh dùng để quảng cáo (4 ký tự dạng số)

MMYY hình ảnh đó vẫn còn giá trị (ví dụ. Nếu hàng còn tốt đến 1206 (12/2006) thì sau ngày 01/01/207 nó sẽ bị loại bỏ).

- Mã số tuần tự (3 ký tự dạng số và chữ) Sequence Number (3 character alphanumeric):
 - Chữ s thường với 2 ký tự dạng số sau nó để thành mã số tuần tự sẽ được bổ sung vào cuối tên tệp và có định dạng như sau:

xxxx_sNN (gạch ngang dưới, chữ "s" thường và sau đó bắt buộc là hai số)

Phụ lục A – Nguồn đề nghị

Lưu ý, các nguồn yêu cầu dẫn đến việc xây dựng tiêu chuẩn này chủ yếu liên quan đến các đề nghị thay đổi của GSMP. Các đề nghị thay đổi được liệt kê dưới đây:

- CR 05-000077
- CR 05-000320
- CR 06-000163

Phụ lục B – Dụ trữ dành cho tương lai

| Mục | Tiêu đề | Mô tả | Ký tự thứ 16 | Ngày bổ sung | Ngày sửa đổi | Mã số CR |
|------|--|--|--------------|--------------|--------------|----------|
| 4.11 | GTIN đơn nhất của một ảnh chụp tĩnh | Hình ảnh của một GTIN, bất kể đa định dạng/thiết kế, trên nền đen trắng | A | 1/10/2007 | | |
| 4.12 | GTIN đơn nhất của một ảnh chụp tĩnh với các yếu tố hỗ trợ trong ảnh | Hình ảnh của một GTIN với nhiều thành phần hỗ trợ, bất kể đa định dạng/thiết kế, trên nền đen trắng | B | 12/13/2012 | | 12-256 |
| 4.11 | GTIN đơn nhất của sản phẩm ảnh chụp tĩnh (độ phân giải cao) | Hình ảnh của một GTIN với nhiều thành phần hỗ trợ, bất kể đa định dạng/thiết kế, trên nền đen trắng (Độ phân giải cao) | C | 30/08/2013 | | 12-322 |
| 4.12 | GTIN đơn nhất của một ảnh chụp tĩnh với các yếu tố hỗ trợ trong ảnh (độ phân giải cao) | Hình ảnh của một GTIN với nhiều thành phần hỗ trợ, bất kể đa định dạng/thiết kế, trên nền đen trắng (Độ phân giải cao) | D | 30/08/2013 | | 12-322 |
| - | Không xác định | | Z | 1/10/2007 | | |
| | Dòng nghệ thuật | Khôi phục lại ảnh nghệ thuật của một dòng sản phẩm có GTIN đơn nhất | | TBD | | |
| | Khôi phục hình ảnh | Khôi phục lại ảnh nghệ thuật của một dòng sản phẩm có GTIN đơn nhất độ phân giải cao có tiếng/nhạc phim | | TBD | | |
| | Bảng dữ liệu an toàn | Quy định an toàn liên quan GTIN | | TBD | | |
| | Tài liệu nhà sản xuất | Quy định an toàn liên quan GTIN | | TBD | | |
| | Đồ họa 3D | Một thể hiện dạng 3D kết hợp cử động | | TBD | | |
| | Tiếng/nhạc phim | TBD | | TBD | | |
| | Phim/nghe nhìn | TBD | | TBD | | |
| | Tương tác TBD G TBD | TBD | | TBD | | |
| | Chứng nhận GTIN | Chứng nhận/ đánh giá cụ thể với từng GTIN | | TBD | | |